

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

*Quý II năm 2012 (Dạng đầy đủ)*

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                            | Mã số | Thuyết minh | Quý II         |                | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này |                |
|---------------------------------------------------------------------|-------|-------------|----------------|----------------|------------------------------------|----------------|
|                                                                     |       |             | Năm nay        | Năm trước      | Năm nay                            | Năm trước      |
| 1                                                                   | 2     | 3           | 4              | 5              | 6                                  | 7              |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                           | 01    | VI.17       | 62,728,283,370 | 26,075,598,531 | 88,718,963,777                     | 52,863,533,406 |
| 2. Các khoản giảm trừ                                               | 02    |             |                |                |                                    |                |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)       | 10    |             | 62,728,283,370 | 26,075,598,531 | 88,718,963,777                     | 52,863,533,406 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                                 | 11    | VI.19       | 52,709,413,105 | 11,059,642,305 | 56,989,599,847                     | 16,909,368,804 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)         | 20    |             | 10,018,870,265 | 15,015,956,226 | 31,729,363,930                     | 35,954,164,602 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                                    | 21    | VI.18       | 4,859,370,872  | 9,966,215,248  | 5,820,684,947                      | 14,590,781,022 |
| 7. Chi phí hoạt động tài chính                                      | 22    | VI.20       | 40,110,026     | 516,237,500    | 124,616,692                        | 516,237,500    |
| - Trong đó: chi phí lãi vay                                         | 23    |             | 40,110,026     | 516,237,500    | 124,616,692                        | 516,237,500    |
| 8. Chi phí bán hàng                                                 | 24    |             |                |                |                                    |                |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                                     | 25    |             | 5,337,758,860  | 4,620,833,387  | 9,364,371,316                      | 7,744,606,954  |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25)) | 30    |             | 9,500,372,251  | 19,845,100,587 | 28,061,060,869                     | 42,284,101,170 |
| 11. Thu nhập khác                                                   | 31    |             | 4,300,000      |                | 4,300,000                          |                |
| 12. Chi phí khác                                                    | 32    |             | 259,240,000    | 156,080,000    | 259,240,000                        | 284,349,600    |
| 13. Lợi nhuận khác (40=31-32)                                       | 40    |             | (254,940,000)  | (156,080,000)  | (254,940,000)                      | (284,349,600)  |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)                    | 50    |             | 9,245,432,251  | 19,689,020,587 | 27,806,120,869                     | 41,999,751,570 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành                                     | 51    | VI.21       | 66,719,626     | 4,056,377,647  | 4,643,223,530                      | 9,632,270,355  |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại                                      | 52    |             |                |                |                                    |                |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)          | 60    |             | 9,178,712,625  | 15,632,642,940 | 23,162,897,339                     | 32,367,481,215 |

Người lập biểu



Trần Thị Kim Thu

Kế toán trưởng



Trương Lưu

Ngày 17 tháng 07 năm 2012

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Đình